

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy

2. Bà Trịnh Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Công Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngân Thị P, Sinh năm 1993

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: SN 52/85 tổ 14B, khu phố H, phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phạm Sỹ Đ, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị P, anh Đ (Chị P, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngân Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Sỹ Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/01/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu khó làm ăn, thường xuyên lờ đờ, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhiều lần, anh Đ không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 02/2019 chị đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm

đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013. Hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Nếu được ly hôn chị nhường con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị đóng góp tiền nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Sỹ Đ trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Ngân Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/01/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Anh khuyên bảo, nhưng chị Đ không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 02/2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị P làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con do chị P tự quyết định

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Ngân Thị P và anh Phạm Sỹ Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình, chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Hiện nay chị P không sống tại gia đình anh Đ nữa. Nay chị P xin ly hôn anh Đ tại Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013. Nếu anh chị phải ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/10/2022, cháu Phạm Sỹ Quốc A có nguyện vọng được ở với bố nếu bố, mẹ phải ly hôn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của nguyên đơn đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 6; Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Ngân Thị P được ly hôn anh Phạm Sỹ Đ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013. Giao cháu Quốc A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P cấp dưỡng tiền nuôi con

chung với anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng. Về tài sản và công nợ: Anh, chị thống nhất không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét. Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Chị Ngân Thị P và anh Phạm Sỹ Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị P xin ly hôn anh Đ tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Đ, chị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ, chị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân*: Chị Ngân Thị P, anh Phạm Sỹ Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/01/2013 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị P là do anh Đ không chịu khó làm ăn, thường xuyên lơ đãng, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhiều lần, anh Đ không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 02/2019 chị đã bỏ nhà đi ở chỗ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Anh Đ thừa nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, anh đã khuyên bảo nhiều lần chị P không nghe dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chứng tỏ rằng anh không muốn hàn gắn tình cảm giữa vợ, chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh, chị không còn chung sống với nhau một thời gian dài từ tháng 02/2019 đến nay; do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngân Thị P.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013.

Hiện nay cháu đang ở với anh Đ. Nếu được ly hôn chị P nhường con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị đóng góp tiền nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, chị P nhường con cho anh Đ nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện. Mặt khác, hiện nay cháu Quốc A đang ở với anh Đ; Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu Phạm Sỹ Quốc A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị P cấp dưỡng nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5]*Về án phí*: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Điều 6; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngân Thị P

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Ngân Thị P được ly hôn anh Phạm Sỹ Đ
2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Sỹ Quốc A, sinh ngày 16/5/2013.

Giao cháu Phạm Sỹ Quốc A cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Phượng có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.*Về tài sản và công nợ*: Chị P, anh Đ không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4.*Về án phí*: Chị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng là 600.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 9519 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị P còn phải nộp 300.000đồng.

Chị P, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Quảng Xương;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa ;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý